

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2010/QĐ-UBND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 14 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ (I+II);
- Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu VT+NC/NN.Ng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Vĩnh Tân

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

- Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; số liệu điều tra về giá đất;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;
- Bản đồ địa chính; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

- Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước quốc tế;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;
- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

- a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;
- b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản;
- c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;
- d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;
- đ) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;
- e) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;
- g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường gồm:

- a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;
- b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;
- c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- d) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
- đ) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;
- e) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

g) Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường;

h) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;

i) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô dôn;

b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;

d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Hệ quy chiếu quốc gia;

b) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

c) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;

d) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ biên giới quốc gia, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;

đ) Hệ thống thông tin địa lý;

e) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d, đ Khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác;

g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

8. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

9. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

10. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;
3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;
4. Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống;
5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;
6. Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (đối với các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 17);
7. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

CHƯƠNG II

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu

1. Lập và phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu

a) Các sở, ban ngành Tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu thập dữ liệu dự kiến.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các sở, ban ngành có dữ liệu tài nguyên và môi trường xây dựng kế hoạch chính thức trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

c) Sau khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân Tỉnh gửi kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện kế hoạch.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm;

b) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu. Nội dung dữ liệu thu thập

phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả. Ưu tiên mục tiêu dài hạn. Ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau;

c) Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập dữ liệu phải được phép của Ủy ban nhân dân Tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được Ủy ban nhân dân Tỉnh cho phép;

d) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Các hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

a. Yêu cầu cung cấp dữ liệu, tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức và cá nhân theo quy định;

b. Quan trắc, điều tra, khảo sát;

c. Nghiên cứu, dự báo;

d. Tổng hợp, tạo lập dữ liệu và các hình thức khác.

Điều 6. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Các sở, ban ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố có tài liệu liên quan đến tài nguyên và môi trường do mình tạo lập bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, đều có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi được phê duyệt và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu.

Điều 7. Quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã thu thập được.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường ở địa phương

2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.

Điều 8. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, vận chuyển tài liệu, lưu trữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác liên quan đến phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thu thập, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được cấp quyền truy cập riêng, nhất định

trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải thực hiện bảo mật theo mức độ bảo mật quy định và phải có phương án bảo vệ các dữ liệu.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong thu thập, quản lý tài liệu.

2. Giao nộp dữ liệu thu thập được cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thu thập dữ liệu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi cung cấp dữ liệu không chính xác, gây thiệt hại cho người khác khi sử dụng dữ liệu đó.

4. Không được lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán tài liệu, dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

5. Được từ chối yêu cầu cung cấp dữ liệu trái quy định của pháp luật.

Điều 10. Kinh phí thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Kinh phí về thu thập, quản lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo và các nguồn huy động khác nếu có.

CHƯƠNG III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Ủy ban nhân dân Tỉnh công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 12. Hình thức, thủ tục khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

b) Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo hình thức phiếu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu quy định tại Điều 18 Quy chế này;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu. Thời hạn cung cấp dữ liệu do các bên thỏa thuận. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 13. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện như sau:

1. Nộp văn bản hoặc phiếu yêu cầu trực tiếp tại cơ quan quản lý và lưu trữ dữ liệu.

Nếu người yêu cầu cung cấp dữ liệu là cơ quan Nhà nước thì có thể gửi văn bản, phiếu yêu cầu thông qua bưu điện, fax.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận văn bản hoặc phiếu yêu cầu.

3. Thông báo nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Khoản 2 Điều 17 Quy chế này, nhưng chưa xác định ngay được).

4. Ký kết hợp đồng (nếu cần).

5. Trả kết quả.

Điều 14. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Văn bản yêu cầu cung cấp mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên, địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

3. Không có, không rõ hoặc mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Tuân thủ triệt để các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp đã giao kết trong hợp đồng.

3. Trả chi phí khai thác, sử dụng dữ liệu trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này.

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

5. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác sử dụng dữ liệu của mình.

6. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được quyền truy cập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa. Không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

2. Chỉ được khai thác sử dụng dữ liệu trong phạm vi mình được cấp. Không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, sử dụng đúng mục đích.

3. Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp đã thỏa thuận, được phép của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường..

4. Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại cơ sở dữ liệu.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính, tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, chịu trách nhiệm về sai phạm do khai thác, sử dụng dữ liệu gây ra.

Điều 17. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác các dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn, chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định hình thức khai thác từ Internet và trang thông tin điện tử;

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

3. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương;

4. Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

5. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của địa phương và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của Sở và của Tỉnh; biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương;

6. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

CHƯƠNG V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 19. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành.

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và chủ trì trong việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Giám đốc các sở, ban ngành có liên quan, phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Vĩnh Tân